

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐĂNG KÝ THI CHUẨN ĐẦU RA
ĐỢT THI NGÀY 11/10/2026

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Lớp	Cấp độ dự thi	Ghi chú
1	417230001	Lê Thị An	Nữ	23CNH01	Bậc 3 (B1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
2	411170806	Bùi Trần Hoàng Ngọc Như Anh	Nữ	17CNACLC01	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
3	412220002	Bùi Thị Quỳnh Anh	Nữ	22CNADL01	Bậc 2 (A2) Hàn	Chưa nộp lệ phí thi
4	411240272	Nguyễn Ngọc Anh	Nữ	24CNA08	Bậc 3 (B1) Trung	Chưa nộp lệ phí thi
5	413230032	Lê Phương Anh	Nữ	23CNPDL01	Bậc 3 (B1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
6	411230539	Lê Phương Anh	Nữ	23CNA14	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
7	414220041	Lê Hoàng Bảo Châu	Nữ	22CNNDL01	Bậc 3 (B1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
8	417230183	Trần Thị Phương Chi	Nữ	23CNJTM01	Bậc 3 (B1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
9	411220388	Huỳnh Thị Linh Chi	Nữ	22CNACLC01	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
10	412220243	Nguyễn Thị Linh Chi	Nữ	22CNATMCLC03	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
11	411230350	Đinh Văn Đăng	Nam	23CNA09	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
12	411230580	Đỗ Thúy Diệu	Nữ	23CNA15	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
13	411200706	Phan Khả Doanh	Nữ	20CNACLC06	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
14	411210503	Dương Thị Thùy Dung	Nữ	21CNA10	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
15	411230234	Nguyễn Thị Thùy Dung	Nữ	23CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
16	412220244	Nguyễn Hoàng Châu Duyên	Nữ	22CNATMCLC03	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
17	411190527	Hoàng Ngọc Hà Giang	Nữ	19CNACLC07	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
18	412230124	Võ Thục Đông Giang	Nữ	23CNATM01	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
19	412240140	Nguyễn Trần Ngọc Hà	Nữ	24CNATM01	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Lớp	Cấp độ dự thi	Ghi chú
20	416230171	Trần Khánh Hà	Nữ	23CNQTH03	Bậc 3 (B1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
21	417230044	Hứa Hoài Hân	Nữ	23CNH02	Bậc 5 (C1) Hàn	Chưa nộp lệ phí thi
22	417230082	Trần Ngọc Hân	Nữ	23CNH03	Bậc 3 (B1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
23	414220010	Lưu Khả Hân	Nữ	22CNN01	Bậc 5 (C1) Nga	Chưa nộp lệ phí thi
24	411230314	Phạm Gia Hân	Nữ	23CNA08	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
25	411230470	Hoàng Thúy Hằng	Nữ	23CNA12	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
26	416230173	Trần Thị Phương Hằng	Nữ	23CNQTH03	Bậc 3 (B1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
27	412220193	Đậu Thị Hoa	Nữ	22CNATMCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
28	414230041	Đinh Trương Mỹ Hoa	Nữ	23CNNDL01	Bậc 5 (C1) Nga	Chưa nộp lệ phí thi
29	412240172	Đặng Thị Bảo Hòa	Nữ	24CNATM02	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
30	411220050	Lưu Trịnh Huy Hoàng	Nam	22CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
31	417220143	Nguyễn Thị Hồng Hường	Nữ	22CNJ01	Bậc 5 (C1) Nhật	Chưa nộp lệ phí thi
32	412220194	Hoàng Vĩnh Khánh Huyền	Nữ	22CNATMCLC01	Bậc 3 (B1) Trung	Chưa nộp lệ phí thi
33	412230134	Lê Lưu Tuấn Kha	Nam	23CNATM01	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
34	411170916	Nguyễn Ngọc Diệu Kỳ	Nữ	17CNACLC01	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
35	411220395	Nguyễn Thị Tri Lễ	Nữ	22CNACLC01	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
36	412220252	Vũ Trần Long	Nam	22CNATMCLC03	Bậc 3 (B1) Hàn	Chưa nộp lệ phí thi
37	411170322	Võ Thị Cẩm Lý	Nữ	18CNA06	Bậc 2 (A2) Trung	Chưa nộp lệ phí thi
38	415220184	Hoàng Thanh Mai	Nữ	22CNTCLC01	Bậc 3 (B1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
39	411180317	Nguyễn Thị Mến	Nữ	18CNA07	Bậc 2 (A2) Trung	Chưa nộp lệ phí thi
40	412220306	Phan Thị Minh	Nữ	22CNATMĐT01	Bậc 3 (B1) Hàn	Chưa nộp lệ phí thi

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Lớp	Cấp độ dự thi	Ghi chú
41	411210433	Nguyễn Kiều Diễm My	Nữ	21CNA08	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
42	411230363	Lê Thị Ngọc Na	Nữ	23CNA09	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
43	412230058	Thái Thành Nam	Nam	23CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
44	411220487	Nguyễn Ngọc Nam	Nam	22CNATT01	Bậc 3 (B1) Trung	Chưa nộp lệ phí thi
45	412230310	Diệp Thị Đa Ngân	Nữ	23CNATMĐT01	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
46	411200807	Vũ Diễm Bảo Ngân	Nữ	20CNACLC08	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
47	414220056	Nguyễn Lê Hoàng Ngọc	Nữ	22CNNDL01	Bậc 5 (C1) Nga	Chưa nộp lệ phí thi
48	413230015	Hồ Thị Minh Ngọc	Nữ	23CNP01	Bậc 5 (C1) Pháp	Chưa nộp lệ phí thi
49	411200631	Mai Kim Ngọc	Nữ	20CNACLC03	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
50	411200809	Nguyễn Lâm Bảo Ngọc	Nữ	20CNACLC08	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
51	416230091	Lê Nguyễn Khánh Nguyên	Nữ	23CNQTH01	Bậc 3 (B1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
52	411230249	Đặng Thị Nhân	Nữ	23CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
53	416230095	Nguyễn Ngọc Nguyệt Nhi	Nữ	23CNQTH01	Bậc 3 (B1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
54	412220310	Nguyễn Trần Yến Nhi	Nữ	22CNATMĐT01	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
55	412230024	Thái Uyển Nhi	Nữ	23CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
56	411180389	Võ Thị Yến Nhi	Nữ	18CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
57	411220494	H Bân Niê	Nữ	22CNATT01	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
58	413220074	Huỳnh Trần Thanh Phương	Nữ	22CNPTTSK01	Bậc 5 (C1) Pháp	Chưa nộp lệ phí thi
59	414220025	Đặng Thị Thùy Phương	Nữ	22CNN01	Bậc 3 (B1) Trung	Chưa nộp lệ phí thi
60	412220025	Đinh Thị Thảo Quyên	Nữ	22CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
61	412220095	Nguyễn Vũ Thục Quyên	Nữ	22CNADLCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Lớp	Cấp độ dự thi	Ghi chú
62	411230061	Trần Thị Như Quỳnh	Nữ	23CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
63	411220256	Mai Văn Tài	Nam	22CNA07	Bậc 3 (B1) Trung	Chưa nộp lệ phí thi
64	411200341	Ksor Thẩm	Nữ	20CNA07	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
65	411230644	Nguyễn Đình Thắng	Nam	23CNATT01	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
66	411230257	Thái Nguyễn Nguyên Thảo	Nữ	23CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
67	411230567	Lê Minh Thư	Nữ	23CNA14	Bậc 3 (B1) Pháp	Chưa nộp lệ phí thi
68	412220323	Huỳnh Ngọc Anh Thư	Nữ	22CNATMĐT01	Bậc 3 (B1) Hàn	Chưa nộp lệ phí thi
69	412210163	Mai Thị Thu Thùy	Nữ	22CNATM02	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
70	412220265	Nguyễn Thị Thanh Thùy	Nữ	22CNATMCLC03	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
71	414230027	Lê Thị Thủy Tiên	Nữ	23CNN01	Bậc 3 (B1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
72	411230262	Nguyễn Thu Trân	Nữ	23CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
73	413230024	Nguyễn Hoàng Bảo Trân	Nữ	23CNP01	Bậc 3 (B1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
74	411230068	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	Nữ	23CNA01	Bậc 3 (B1) Hàn	Chưa nộp lệ phí thi
75	411220226	Đàm Thị Bảo Trân	Nữ	23CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
76	411200552	Võ Thị Thùy Trang	Nữ	20CNA12	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
77	415220101	Nguyễn Thu Trang	Nữ	22CNTDL01	Bậc 3 (B1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
78	411230571	Lê Thị Thuỳ Trang	Nữ	23CNA14	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
79	416230200	Hoàng Hữu Trí	Nam	23CNQTH03	Bậc 3 (B1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
80	411230534	Nguyễn Thị Kiều Trinh	Nữ	23CNA13	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
81	417230070	Võ Thị Diệu Trinh	Nữ	23CNH02	Bậc 5 (C1) Hàn	Chưa nộp lệ phí thi
82	412240287	Lưu Thị Cẩm Tú	Nữ	24CNATM04	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Lớp	Cấp độ dự thi	Ghi chú
83	413230066	Nguyễn Thị Cẩm Tú	Nữ	23CNPTTSK01	Bậc 5 (C1) Pháp	Chưa nộp lệ phí thi
84	411230185	Nguyễn Ngọc Anh Tú	Nữ	23CNA04	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
85	412230238	Nguyễn Anh Tú	Nữ	23CNATM03	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
86	412230115	Lê Nguyễn Xuân Tùng	Nam	23CNADL03	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
87	411190441	Võ Thị Út	Nữ	20CNA08	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
88	412220104	Nguyễn Tú Uyên	Nữ	22CNADLCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
89	416230108	Nguyễn Diệu Uyên	Nữ	23CNQTH01	Bậc 3 (B1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
90	416230034	Nguyễn Thị Vân	Nữ	23CNDPH01	Bậc 3 (B1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
91	416230205	Trương Thị Tường Vi	Nữ	23CNQTH03	Bậc 3 (B1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
92	411200435	Nguyễn Nhật Vy	Nữ	20CNA09	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
93	414230054	Trần Triệu Vy	Nữ	23CNNDL01	Bậc 5 (C1) Nga	Chưa nộp lệ phí thi
94	411230576	Hồ Như Ý	Nữ	23CNA14	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
95	417230221	Phạm Thị Như Ý	Nữ	23CNJTM01	Bậc 5 (C1) Nhật	Chưa nộp lệ phí thi
96	412210293	Vũ Thị Hải Yến	Nữ	21CNATMCLC03	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
97	411230693	Nguyễn Lê Hoàng Yến	Nữ	23CNATT02	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
98	411220039	Hoàng Thị Yến	Nữ	22CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	Chưa nộp lệ phí thi
1	416230162	Lê Văn An	Nam	23CNQTH03	Bậc 3 (B1) Anh	
2	412230203	Nguyễn Thị Kim Anh	Nữ	23CNATM03	Bậc 5 (C1) Anh	
3	411220384	Lê Thị Phương Anh	Nữ	22CNACLC01	Bậc 3 (B1) Hàn	
4	411220156	Lê Loan Anh	Nữ	22CNA05	Bậc 5 (C1) Anh	
5	412220241	Trần Thị Tú Anh	Nữ	22CNATMCLC03	Bậc 5 (C1) Anh	

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Lớp	Cấp độ dự thi	Ghi chú
6	412220186	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	22CNATMCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
7	417230076	Lê Nhật Huyền Anh	Nữ	23CNH03	Bậc 3 (B1) Anh	
8	412220215	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	22CNATMCLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
9	411230308	Phạm Thị Trâm Anh	Nữ	23CNA08	Bậc 5 (C1) Anh	
10	411230114	Ông Thị Ngọc Ánh	Nữ	23CNA03	Bậc 5 (C1) Anh	
11	412220149	Nguyễn Ngọc Bảo	Nữ	22CNATM02	Bậc 3 (B1) Pháp	
12	412240131	Nguyễn Thái Bảo	Nữ	24CNATM01	Bậc 3 (B1) Trung	
13	411180096	Y Sa Bét	Nữ	18CNA08	Bậc 3 (B1) Trung	
14	412230204	Lê Ngọc Bích	Nữ	23CNATM03	Bậc 5 (C1) Anh	
15	415230164	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	Nữ	23CNTTM02	Bậc 3 (B1) Anh	
16	411230076	Trần Thị Bảo Châu	Nữ	23CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
17	417220271	Lê Nguyễn Viên Châu	Nữ	22CNTL01	Bậc 4 (B2) Anh	
18	412230085	Hoàng Minh Châu	Nữ	23CNADL03	Bậc 5 (C1) Anh	
19	411200769	Nguyễn Vũ Châu	Nữ	20CNACLC07	Bậc 5 (C1) Anh	
20	417220174	Phan Thị Chung	Nữ	22CNJ02	Bậc 5 (C1) Nhật	
21	413230003	Nguyễn Thị Kim Cúc	Nữ	23CNP01	Bậc 3 (B1) Anh	
22	412230289	Trần Nguyễn Thanh Đan	Nữ	23CNATMĐT01	Bậc 5 (C1) Anh	
23	411220044	Nguyễn Thị Hải Đăng	Nữ	22CNA02	Bậc 3 (B1) Hàn	
24	416230072	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	Nữ	23CNQTH01	Bậc 3 (B1) Anh	
25	419220003	Lô Thị Huyền Diệu	Nữ	22SPA01	Bậc 3 (B1) Trung	
26	411230116	Nguyễn Lê Thục Đoan	Nữ	23CNA15	Bậc 5 (C1) Anh	

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Lớp	Cấp độ dự thi	Ghi chú
27	445240003	Vũ Thị Thủy Dung	Nữ	24BHTCTQ01	Bậc 5 (C1) Trung	
28	413230005	Phan Thị Hạnh Dung	Nữ	23CNP01	Bậc 5 (C1) Pháp	
29	411210590	Nguyễn Đoàn Phương Dung	Nữ	21CNACLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
30	413230069	Lê Thị Kim Dung	Nữ	23CNPTTSK01	Bậc 5 (C1) Pháp	
31	411230078	Nguyễn Văn Dũng	Nam	23CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
32	411190516	Ngô Nguyễn Thùy Duyên	Nữ	19CNACLC06	Bậc 5 (C1) Anh	
33	411210211	Nguyễn Hạnh Duyên	Nữ	21CNA03	Bậc 5 (C1) Anh	
34	411200650	Lê Thị Phương Duyên	Nữ	20CNACLC04	Bậc 5 (C1) Anh	
35	411190514	Hồ Lý Thảo Duyên	Nữ	19CNACLC04	Bậc 5 (C1) Anh	
36	413230006	H An Êban	Nữ	23CNP01	Bậc 5 (C1) Pháp	
37	412200045	Bùi Thị Giang	Nữ	20CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh	
38	411210591	Đinh Đỗ Quỳnh Giang	Nữ	21CNACLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
39	411200115	Nguyễn Minh Giang	Nữ	20CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
40	411210296	Trần Thị Quý Giàu	Nữ	21CNA05	Bậc 5 (C1) Anh	
41	411220237	Võ Thị Hà	Nữ	22CNA07	Bậc 5 (C1) Anh	
42	411230119	Phạm Thị Hà	Nữ	23CNA03	Bậc 5 (C1) Anh	
43	411230158	Trần Nguyễn Nhật Hà	Nữ	23CNA04	Bậc 5 (C1) Anh	
44	411230197	Châu Ngọc Hà	Nữ	23CNA05	Bậc 5 (C1) Anh	
45	411230080	Nguyễn Thị Thiên Hà	Nữ	23CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
46	412230211	Trương Đình Quỳnh Hân	Nữ	23CNATM03	Bậc 5 (C1) Anh	
47	411180706	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Nữ	18CNACLC01	Bậc 2 (A2) Hàn	

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Lớp	Cấp độ dự thi	Ghi chú
48	416230042	Đinh Thị Hằng	Nữ	23CNDPH02	Bậc 3 (B1) Trung	
49	412220273	Lê Thanh Hằng	Nữ	22CNATMCLC04	Bậc 5 (C1) Anh	
50	411230584	Trần Thị Hằng	Nữ	23CNA15	Bậc 5 (C1) Anh	
51	411200281	Phạm Thị Thúy Hằng	Nữ	20CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	
52	411220419	Huỳnh Thị Mỹ Hạnh	Nữ	22CNACLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
53	416230077	Hồ Thị Ngọc Hạnh	Nữ	23CNQTH01	Bậc 3 (B1) Anh	
54	411220479	Phạm Trương Vy Hạnh	Nữ	22CNATT01	Bậc 3 (B1) Trung	
55	411230042	Nguyễn Thị Thuý Hậu	Nữ	23CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	
56	412230089	Lê Thị Hậu	Nữ	23CNADL03	Bậc 5 (C1) Anh	
57	417230189	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	23CNJTM01	Bậc 5 (C1) Nhật	
58	411190553	Nguyễn Thị Thúy Hiền	Nữ	19CNACLC08	Bậc 5 (C1) Anh	
59	412230091	Lê Thị Thanh Hoàng	Nữ	23CNADL03	Bậc 5 (C1) Anh	
60	412240304	Nguyễn Thị Tô Hoàng	Nữ	24CNATMĐT01	Bậc 5 (C1) Anh	
61	419200032	Huỳnh Nhật Hoàng	Nam	21SPP01	Bậc 3 (B1) Anh	
62	417230007	Nguyễn Thị Hợp	Nữ	23CNH01	Bậc 3 (B1) Anh	
63	411230044	Trần Bích Hợp	Nữ	23CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	
64	411200239	Ngô Thị Ngọc Huế	Nữ	20CNA05	Bậc 5 (C1) Anh	
65	419230010	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	23SPA01	Bậc 5 (C1) Anh	
66	416230080	Phạm Kỳ Hưng	Nam	23CNQTH01	Bậc 3 (B1) Anh	
67	411210426	Trần Thị Lan Hương	Nữ	21CNA08	Bậc 5 (C1) Anh	
68	417230085	Nguyễn Quỳnh Hương	Nữ	23CNH03	Bậc 5 (C1) Anh	

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Lớp	Cấp độ dự thi	Ghi chú
69	413230009	Mai Thị Thu Hương	Nữ	23CNP01	Bậc 3 (B1) Anh	
70	411200075	Nguyễn Thị Hương	Nữ	20CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	
71	411200653	Trần Nguyễn Khánh Hương	Nữ	20CNACLC04	Bậc 5 (C1) Anh	
72	412220009	Lê Thị Hường	Nữ	22CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh	
73	412230254	Nguyễn Văn Huy	Nam	23CNATM04	Bậc 5 (C1) Anh	
74	412200009	Huỳnh Long Huy	Nam	20CNADL01	Bậc 2 (A2) Trung	
75	416220079	Lê Nguyễn Diễm Huyền	Nữ	22CNDPHCLC01	Bậc 2 (A2) Hàn	
76	411230084	Lê Thanh Huyền	Nữ	23CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
77	411230201	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	23CNA05	Bậc 5 (C1) Anh	
78	411220355	Huỳnh Đặng Mỹ Huyền	Nữ	22CNA10	Bậc 3 (B1) Hàn	
79	412220223	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	22CNATMCLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
80	416230081	Trần Thị Diệu Huyền	Nữ	23CNQTH01	Bậc 3 (B1) Anh	
81	416230125	Đỗ Phạm Ngọc Huyền	Nữ	23CNQTH02	Bậc 3 (B1) Anh	
82	412210302	Trần Thị Huyền	Nữ	21CNATMCLC04	Bậc 5 (C1) Anh	
83	441240016	Võ Thị Dương Huyền	Nữ	24BHTC01	Bậc 3 (B1) Trung	
84	413230011	Võ Nguyên Khang	Nam	23CNP01	Bậc 5 (C1) Pháp	
85	412230092	Nguyễn Phạm Vi Khanh	Nữ	23CNADL03	Bậc 5 (C1) Anh	
86	413230057	Lê Thị Minh Khanh	Nữ	23CNPTTSK01	Bậc 5 (C1) Pháp	
87	412230219	Lưu Thị Vân Khánh	Nữ	23CNATM03	Bậc 5 (C1) Anh	
88	411190595	Nguyễn Đình Khôi	Nam	19CNACLC04	Bậc 5 (C1) Anh	
89	412190582	Nguyễn Thị Kiều	Nữ	19CNATMCLC04	Bậc 5 (C1) Anh	

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Lớp	Cấp độ dự thi	Ghi chú
90	411200364	Lê Hồng Lam	Nữ	20CNA08	Bậc 5 (C1) Anh	
91	416230046	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Nữ	23CNDPH02	Bậc 3 (B1) Anh	
92	412220305	Nguyễn Lê Đắc Lân	Nam	22CNATMĐT01	Bậc 5 (C1) Anh	
93	411230359	Hoàng Phương Linh	Nữ	23CNA09	Bậc 5 (C1) Anh	
94	411210556	Phạm Thị Hoài Linh	Nữ	21CNATT01	Bậc 5 (C1) Anh	
95	411220168	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	22CNA05	Bậc 5 (C1) Anh	
96	411220281	Lê Phương Linh	Nữ	22CNA08	Bậc 3 (B1) Trung	
97	415230024	Phạm Khánh Linh	Nữ	23CNTTM01	Bậc 3 (B1) Anh	
98	411230477	Trần Tùng Linh	Nữ	23CNA12	Bậc 5 (C1) Anh	
99	412230015	Bùi Thị Lê Linh	Nữ	23CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh	
100	416230177	Nguyễn Thị Thảo Linh	Nữ	23CNQTH03	Bậc 3 (B1) Anh	
101	416230083	Bùi Khánh Linh	Nữ	23CNQTH01	Bậc 3 (B1) Anh	
102	411240438	Bùi Thị Phúc Linh	Nữ	24CNA12	Bậc 3 (B1) Trung	
103	412220196	Cao Kiều Ngọc Linh	Nữ	22CNATMCLC01	Bậc 3 (B1) Trung	
104	412220278	Lê Thị Linh Linh	Nữ	22CNATMCLC04	Bậc 5 (C1) Anh	
105	413230058	Lê Hoàng Tố Linh	Nữ	23CNPTTSK01	Bậc 5 (C1) Pháp	
106	415230199	Nguyễn Thị Thanh Loan	Nữ	23BHTCTQ02	Bậc 5 (C1) Trung	
107	412200128	Nguyễn Thiên Lộc	Nam	20CNATM01	Bậc 5 (C1) Anh	
108	412200052	Trần Nguyễn Thanh Long	Nam	20CNADL02	Bậc 2 (A2) Hàn	
109	445240006	Nguyễn Văn Lượng	Nam	24BHTCTQ01	Bậc 3 (B1) Trung	
110	411200598	Đinh Thị Mai Lưu	Nữ	20CNACLC02	Bậc 5 (C1) Anh	

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Lớp	Cấp độ dự thi	Ghi chú
111	411230668	Nguyễn Ngọc Thảo Ly	Nữ	23CNATT02	Bậc 5 (C1) Anh	
112	412230222	Y Na Ly	Nữ	23CNATM03	Bậc 5 (C1) Anh	
113	416230086	Nguyễn Thị Cẩm Ly	Nữ	23CNQTH01	Bậc 3 (B1) Anh	
114	411230627	Huỳnh Thị Cẩm Ly	Nữ	23CNATT01	Bậc 5 (C1) Anh	
115	411230245	Trần Lê Cẩm Ly	Nữ	23CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	
116	416230180	Nguyễn Thị Ly Ly	Nữ	23CNQTH03	Bậc 3 (B1) Anh	
117	417200171	Nguyễn Thị Khánh Ly	Nữ	20CNHCLC01	Bậc 3 (B1) Anh	
118	411220094	Trần Hoàng Lý	Nữ	22CNA03	Bậc 5 (C1) Anh	
119	417220241	Trần Thị Thanh Mai	Nữ	22CNJTM01	Bậc 5 (C1) Nhật	
120	412220227	Nguyễn Trần Phương Mai	Nữ	22CNATMCLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
121	412200056	Lâm Thị Tuyết Mai	Nữ	20CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh	
122	412230308	Nguyễn Vũ Thảo Mi	Nữ	23CNATMĐT01	Bậc 5 (C1) Anh	
123	414230017	Đặng Văn Minh	Nam	23CNN01	Bậc 3 (B1) Anh	
124	412220253	Lương Nhật Minh	Nữ	22CNATMCLC03	Bậc 5 (C1) Anh	
125	412220228	Ngô Thị Trà My	Nữ	22CNATMCLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
126	412230309	Huỳnh Hồng Thảo My	Nữ	23CNATMĐT01	Bậc 5 (C1) Anh	
127	412180803	Nguyễn Thị Diệu My	Nữ	18CNATMCLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
128	411190629	Đỗ Thảo My	Nữ	19CNACLC06	Bậc 2 (A2) Hàn	
129	411230402	Nguyễn Ly Na	Nữ	23CNA10	Bậc 5 (C1) Anh	
130	411200599	Võ Thị Linh Na	Nữ	20CNACLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
131	414220018	Nguyễn Thị Thanh Nam	Nữ	22CNN01	Bậc 5 (C1) Nga	

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Lớp	Cấp độ dự thi	Ghi chú
132	411220018	Nguyễn Thị Nga	Nữ	22CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	
133	412190960	Siu H' Linh Nga	Nữ	19CNATM02	Bậc 2 (A2) Hàn	
134	411230632	Phạm Thị Mỹ Nga	Nữ	23CNATT01	Bậc 5 (C1) Anh	
135	413230036	Trần Thị Thúy Nga	Nữ	23CNPDL01	Bậc 3 (B1) Anh	
136	411230593	Lê Thanh Nga	Nữ	23CNA15	Bậc 5 (C1) Anh	
137	413240022	Nguyễn Thị Thiên Nga	Nữ	24CNP01	Bậc 5 (C1) Pháp	
138	417230195	Đoàn Nguyễn Ngà	Nữ	23CNJTM01	Bậc 3 (B1) Anh	
139	411220134	Phạm Trương Thanh Ngà	Nữ	22CNA04	Bậc 5 (C1) Anh	
140	411220426	Võ Thị Thanh Ngân	Nữ	22CNACLC02	Bậc 3 (B1) Hàn	
141	412230099	Trần Phạm Khả Ngân	Nữ	23CNADL03	Bậc 5 (C1) Anh	
142	417230232	Phạm Ngọc Bảo Ngân	Nữ	23CNTL01	Bậc 3 (B1) Anh	
143	417220149	Trần Thị Kim Ngân	Nữ	22CNJ01	Bậc 5 (C1) Nhật	
144	413230014	Nguyễn Thị Tường Ngân	Nữ	23CNP01	Bậc 5 (C1) Pháp	
145	411220425	Phạm Thị Ái Ngân	Nữ	22CNACLC02	Bậc 3 (B1) Hàn	
146	417230092	Phan Thị Ánh Ngân	Nữ	23CNH03	Bậc 3 (B1) Anh	
147	412210019	R'Com Ngіữ	Nữ	21CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh	
148	411230365	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	23CNA09	Bậc 5 (C1) Anh	
149	416230089	Nguyễn Khánh Ngọc	Nữ	23CNQTH01	Bậc 3 (B1) Anh	
150	411220060	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Nữ	22CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
151	411230131	Phạm Lang Thùy Nguyên	Nữ	23CNA03	Bậc 5 (C1) Anh	
152	411230093	Nguyễn Ngọc Khánh Nguyên	Nữ	23CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Lớp	Cấp độ dự thi	Ghi chú
153	414220019	Đỗ Thị Kim Nguyên	Nữ	22CNN01	Bậc 3 (B1) Anh	
154	411190238	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Nữ	19CNA05	Bậc 5 (C1) Anh	
155	412200182	Lê Thị Minh Nguyệt	Nữ	20CNATM02	Bậc 5 (C1) Anh	
156	411200250	Trần Thị Minh Nguyệt	Nữ	20CNA05	Bậc 5 (C1) Anh	
157	411220138	Nguyễn Thị Ngọc Nhã	Nữ	22CNA04	Bậc 5 (C1) Anh	
158	415230030	Nguyễn Thị Nhàn	Nữ	23CNTTM01	Bậc 3 (B1) Anh	
159	411230288	Nguyễn Thị Ái Nhân	Nữ	23CNA07	Bậc 5 (C1) Anh	
160	411230635	Trần Thị Ái Nhân	Nữ	23CNATT01	Bậc 5 (C1) Anh	
161	414230045	Đặng Văn Việt Nhật	Nam	23CNNDL01	Bậc 5 (C1) Nga	
162	411230366	Đặng Yến Nhi	Nữ	23CNA09	Bậc 3 (B1) Trung	
163	411220428	Cao Yến Nhi	Nữ	22CNACLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
164	417220244	Kiều Thị Quỳnh Nhi	Nữ	22CNJTM01	Bậc 5 (C1) Nhật	
165	411230521	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	23CNA13	Bậc 5 (C1) Anh	
166	412230264	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	23CNATM04	Bậc 5 (C1) Anh	
167	414230020	Đoàn Ngọc Thiên Nhi	Nữ	23CNN01	Bậc 3 (B1) Anh	
168	411230678	Nguyễn Ngọc Phương Nhi	Nữ	23CNATT02	Bậc 5 (C1) Anh	
169	411220492	Văn Lê Yến Nhi	Nữ	22CNATT01	Bậc 3 (B1) Trung	
170	445240009	Nguyễn Thị Nhi	Nữ	24BHTCTQ01	Bậc 5 (C1) Trung	
171	411200600	Nguyễn Linh Nhi	Nữ	20CNACLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
172	413230060	Nguyễn Bảo Nhi	Nữ	23CNPTTSK01	Bậc 5 (C1) Pháp	
173	415230073	Tôn Nữ Hoài Như	Nữ	23CNT02	Bậc 3 (B1) Anh	

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Lớp	Cấp độ dự thi	Ghi chú
174	412240152	Phạm Thị Quỳnh Như	Nữ	24CNATM01	Bậc 5 (C1) Anh	
175	417210174	Huỳnh Trần Quỳnh Như	Nữ	21CNHCLC01	Bậc 4 (B2) Hàn	
176	411230560	Lê Thị Nhung	Nữ	23CNA14	Bậc 5 (C1) Anh	
177	411200634	Ngô Thị Hồng Nhung	Nữ	20CNACL03	Bậc 5 (C1) Anh	
178	411200539	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Nữ	20CNA12	Bậc 5 (C1) Anh	
179	411200210	Võ Thị Hồng Ni	Nữ	20CNA04	Bậc 5 (C1) Anh	
180	411230095	Lê Việt Ni	Nữ	23CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
181	415230033	Nguyễn Thị Nở	Nữ	23CNT01	Bậc 3 (B1) Anh	
182	417230060	Hà Thị Oanh	Nữ	23CNH02	Bậc 3 (B1) Anh	
183	411230251	Bùi Thị Phương Oanh	Nữ	23CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	
184	416200157	Lê Nguyễn Minh Phong	Nam	20CNQTH03	Bậc 3 (B1) Anh	
185	411210605	Nguyễn Trịnh Hồng Phúc	Nữ	21CNACL01	Bậc 5 (C1) Anh	
186	417220188	Nguyễn Mai Phương	Nữ	22CNJ02	Bậc 5 (C1) Nhật	
187	412220093	Nguyễn Quang Phương	Nam	22CNADLCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
188	416230189	Lê Thị Thanh Phương	Nữ	23CNQTH03	Bậc 3 (B1) Anh	
189	411230135	Nguyễn Thị Thu Phương	Nữ	23CNA03	Bậc 5 (C1) Anh	
190	411230292	Võ Thị Hà Phương	Nữ	23CNA07	Bậc 5 (C1) Anh	
191	411230097	Nguyễn Thị Kiều Phương	Nữ	23CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
192	411180424	Trần Thị Phương	Nữ	18CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	
193	412220205	Lê Thị Bích Phượng	Nữ	22CNATMCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
194	411180873	Võ Thị Uyên Phượng	Nữ	18CNACL06	Bậc 5 (C1) Anh	

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Lớp	Cấp độ dự thi	Ghi chú
195	412230192	Trần Đình Quân	Nam	23CNATM02	Bậc 3 (B1) Nhật	
196	412220206	Hồ Hoàng Ánh Hào Quang	Nam	22CNATMCLC01	Bậc 3 (B1) Trung	
197	412200141	Lê Thị Tường Qui	Nữ	20CNATM01	Bậc 5 (C1) Anh	
198	413230061	Đinh Thị Thanh Quý	Nữ	23CNPTTSK01	Bậc 5 (C1) Pháp	
199	411230600	Lại Phương Quyên	Nữ	23CNA15	Bậc 5 (C1) Anh	
200	416230147	Ngô Lê Thục Quyên	Nữ	23CNQTH02	Bậc 3 (B1) Anh	
201	411230098	Trương Cao Tố Quyên	Nữ	23CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
202	411220368	Nguyễn Thanh Thục Quyên	Nữ	22CNA10	Bậc 3 (B1) Trung	
203	411230136	Nguyễn Phương Quyên	Nữ	23CNA03	Bậc 5 (C1) Anh	
204	411210755	Mai Thị Lệ Quyên	Nữ	21CNACLC06	Bậc 5 (C1) Anh	
205	412220096	Trần Thị Như Quỳnh	Nữ	22CNADLCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
206	411220104	Nguyễn Phương Quỳnh	Nữ	22CNA03	Bậc 5 (C1) Anh	
207	412220262	Hứa Thị Diễm Quỳnh	Nữ	22CNATMCLC03	Bậc 5 (C1) Anh	
208	412210282	Lương Thị Diễm Quỳnh	Nữ	21CNATMCLC03	Bậc 5 (C1) Anh	
209	411230371	Mai Khánh Quỳnh	Nữ	23CNA09	Bậc 5 (C1) Anh	
210	416230148	Trần Thị Diễm Quỳnh	Nữ	23CNQTH02	Bậc 3 (B1) Anh	
211	412220026	Lương Võ Xuân Quỳnh	Nữ	22CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh	
212	417200179	Trần Thị Quỳnh	Nữ	20CNHCLC01	Bậc 4 (B2) Hàn	
213	411200664	Cao Thị Như Quỳnh	Nữ	20CNACLC04	Bậc 5 (C1) Anh	
214	413230042	Trần Thụy Diễm Quỳnh	Nữ	23CNPDL01	Bậc 5 (C1) Pháp	
215	413230021	Phạm Hoàng Sơn	Nam	23CNP01	Bậc 3 (B1) Anh	

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Lớp	Cấp độ dự thi	Ghi chú
216	416230022	Vương Thị Minh Tâm	Nữ	23CNDPH01	Bậc 3 (B1) Anh	
217	411210756	Cao Tổ Tâm	Nữ	21CNACLC06	Bậc 5 (C1) Anh	
218	411200465	Nguyễn Trần Thanh Tâm	Nữ	20CNA10	Bậc 5 (C1) Anh	
219	415170099	Huỳnh Thị Nguyên Tâm	Nữ	18CNTDL01	Bậc 3 (B1) Anh	
220	411170527	Nguyễn Thảo Tâm	Nữ	17CNA12	Bậc 2 (A2) Hàn	
221	413240029	Quách Nhã Tâm	Nữ	24CNP01	Bậc 5 (C1) Pháp	
222	411190340	Phạm Thị Thu Thanh	Nữ	19CNA08	Bậc 5 (C1) Anh	
223	411200342	Lưu Quốc Thanh	Nam	20CNA07	Bậc 5 (C1) Anh	
224	415230075	Phan Thị Quỳnh Thảo	Nữ	23CNTTM02	Bậc 3 (B1) Anh	
225	411220537	Hoàng Thị Thảo	Nữ	22CNATT02	Bậc 5 (C1) Anh	
226	416230105	Nguyễn Thanh Thảo	Nữ	23CNQTH01	Bậc 3 (B1) Anh	
227	411220183	Đặng Ngọc Phương Thảo	Nữ	22CNA05	Bậc 5 (C1) Anh	
228	411200137	Phan Thị Phương Thảo	Nữ	20CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
229	412200235	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Nữ	20CNATM03	Bậc 5 (C1) Anh	
230	411200511	Hồ Thị Thiện	Nữ	20CNA11	Bậc 5 (C1) Anh	
231	411220373	Nguyễn Thị Hồng Thoa	Nữ	22CNA10	Bậc 3 (B1) Hàn	
232	411230491	Nguyễn Thị Linh Thoa	Nữ	23CNA12	Bậc 5 (C1) Anh	
233	445240016	Nguyễn Thị Minh Thu	Nữ	24BHTCTQ01	Bậc 5 (C1) Trung	
234	417230173	Nguyễn Lê Anh Thư	Nữ	23CNJ02	Bậc 3 (B1) Anh	
235	412230271	Hồ Lê Minh Thư	Nữ	23CNATM04	Bậc 5 (C1) Anh	
236	411230605	Bùi Đào Minh Thư	Nữ	23CNA15	Bậc 5 (C1) Anh	

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Lớp	Cấp độ dự thi	Ghi chú
237	412230150	Dương Anh Thư	Nữ	23CNATM01	Bậc 5 (C1) Anh	
238	412220032	Châu Anh Thư	Nữ	22CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh	
239	411230492	Nguyễn Anh Thư	Nữ	23CNA12	Bậc 5 (C1) Anh	
240	416230195	Hoàng Ngọc Anh Thư	Nữ	23CNQTH03	Bậc 3 (B1) Anh	
241	411230646	Bùi Thị Diễm Thư	Nữ	23CNATT01	Bậc 3 (B1) Hàn	
242	411200306	Nguyễn Nhật Thư	Nữ	20CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	
243	411170593	Nguyễn Thị Thuận	Nữ	17CNA11	Bậc 5 (C1) Anh	
244	412230151	Huỳnh Thị Hoài Thương	Nữ	23CNATM01	Bậc 5 (C1) Anh	
245	417220157	Lê Thị Thương	Nữ	22CNJ01	Bậc 3 (B1) Anh	
246	412210074	Nguyễn Thanh Thúy	Nữ	21CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh	
247	411220433	Đào Phương Thủy	Nữ	22CNACLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
248	411230415	Võ Mai Hồng Thủy	Nữ	23CNA10	Bậc 5 (C1) Anh	
249	417230028	Phạm Thu Thủy	Nữ	23CNH01	Bậc 5 (C1) Hàn	
250	412220073	Phạm Thị Thanh Thủy	Nữ	22CNADL02	Bậc 3 (B1) Hàn	
251	416230027	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Nữ	23CNDPH01	Bậc 3 (B1) Anh	
252	415230206	Huỳnh Thị Như Thủy	Nữ	23BHTCTQ02	Bậc 5 (C1) Trung	
253	412230272	Đặng Võ Thủy Tiên	Nữ	23CNATM04	Bậc 5 (C1) Anh	
254	411220540	Nguyễn Cẩm Tiên	Nữ	22CNATT02	Bậc 5 (C1) Anh	
255	416230028	Phạm Đoàn Thủy Tiên	Nữ	23CNDPH01	Bậc 2 (A2) Trung	
256	411220406	Đặng Thị Quế Tiên	Nữ	22CNACLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
257	417220158	Nguyễn Thủy Tiên	Nữ	22CNJ01	Bậc 5 (C1) Nhật	

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Lớp	Cấp độ dự thi	Ghi chú
258	412220292	Lê Thị Thanh Trà	Nữ	22CNATMCLC04	Bậc 5 (C1) Anh	
259	411220503	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Nữ	22CNATT01	Bậc 3 (B1) Trung	
260	414220032	Lê Vũ Nhật Trâm	Nữ	22CNN01	Bậc 3 (B1) Anh	
261	411190796	Ngô Nhật Cúc Trâm	Nữ	19CNACLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
262	411230106	Mai Bảo Trân	Nữ	23CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
263	412220266	Phạm Hà Bảo Trân	Nữ	22CNATMCLC03	Bậc 3 (B1) Hàn	
264	411230107	Nguyễn Mai Trang	Nữ	23CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
265	411190789	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	19CNACLC08	Bậc 5 (C1) Anh	
266	411210535	Nguyễn Thị Trang	Nữ	21CNA10	Bậc 5 (C1) Anh	
267	411210492	Hồ Thị Quỳnh Trang	Nữ	21CNA09	Bậc 5 (C1) Anh	
268	411210327	Hoàng Thị Tuyết Trinh	Nữ	21CNA05	Bậc 5 (C1) Anh	
269	412230035	Lê Thị Kiều Trinh	Nữ	23CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh	
270	411220378	Doãn Thị Anh Trinh	Nữ	22CNA10	Bậc 3 (B1) Hàn	
271	412220036	Nguyễn Lê Tuyết Trinh	Nữ	22CNADL01	Bậc 3 (B1) Trung	
272	416230032	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	Nữ	23CNDPH01	Bậc 3 (B1) Anh	
273	412190805	Trần Thị Ngọc Trinh	Nữ	19CNATMCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
274	412220182	Võ Thị Kim Trúc	Nữ	22CNATM02	Bậc 3 (B1) Pháp	
275	411230497	Lê Văn Trục	Nam	23CNA12	Bậc 5 (C1) Anh	
276	411230224	Nguyễn Thị Minh Tú	Nữ	23CNA05	Bậc 5 (C1) Anh	
277	412210261	Tôn Nữ Minh Tú	Nữ	21CNATMCLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
278	412220329	Đinh Quang Tuấn	Nam	22CNATMĐT01	Bậc 3 (B1) Hàn	

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Lớp	Cấp độ dự thi	Ghi chú
279	414230031	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	23CNN01	Bậc 3 (B1) Anh	
280	411230110	Lê Văn Minh Tuệ	Nam	23CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
281	419230025	Nguyễn Tuấn Quang Tùng	Nam	23SPA01	Bậc 3 (B1) Pháp	
282	413230050	Ngô Thị Ánh Tuyết	Nữ	23CNPDL01	Bậc 3 (B1) Anh	
283	414230053	Nguyễn Phú Tú Uyên	Nữ	23CENNDL01	Bậc 5 (C1) Nga	
284	411240457	Nguyễn Hoàng Tổ Uyên	Nữ	24CNA12	Bậc 3 (B1) Trung	
285	411180596	Nguyễn Thị Tú Uyên	Nữ	18CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	
286	411180964	Nguyễn Diệu Mỹ Uyên	Nữ	18CNACLC05	Bậc 5 (C1) Anh	
287	412210169	Huỳnh Thị Vân	Nữ	21CNATM02	Bậc 5 (C1) Anh	
288	411230575	Trương Thị Thanh Vân	Nữ	23CNA14	Bậc 5 (C1) Anh	
289	411220410	Trần Tường Văn	Nữ	22CNACLC01	Bậc 3 (B1) Hàn	
290	416230035	Nguyễn Thị Hồng Vi	Nữ	23CNDPH01	Bậc 2 (A2) Nhật	
291	412230080	Nguyễn Tuấn Việt	Nam	23CNADL02	Bậc 3 (B1) Hàn	
292	417230220	Phạm Thị Vinh	Nữ	23CNJTM01	Bậc 5 (C1) Nhật	
293	412220039	Nguyễn Tâm Vũ	Nữ	22CNADL01	Bậc 3 (B1) Pháp	
294	412230120	Võ Khánh Vy	Nữ	23CNADL03	Bậc 5 (C1) Anh	
295	414220035	Đỗ Trần Hoàng Vy	Nữ	22CNN01	Bậc 3 (B1) Anh	
296	417220169	Nguyễn Thị Tường Vy	Nữ	22CNJ01	Bậc 5 (C1) Nhật	
297	411180634	Phạm Thị Vỹ	Nữ	18CNA03	Bậc 2 (A2) Hàn	
298	417230145	Nguyễn Ngọc Như Ý	Nữ	23CNJ01	Bậc 5 (C1) Nhật	
299	412230241	Châu Thị Yến	Nữ	23CNATM03	Bậc 5 (C1) Anh	

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Lớp	Cấp độ dự thi	Ghi chú
300	411230267	Trịnh Thị Hồng Yến	Nữ	23CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	
301	417200058	Hoàng Hải Yến	Nữ	21CNJCLC01	Bậc 5 (C1) Nhật	
302	419230028	Chanthamath Phonepany	Nữ	23CNQTH01	Bậc 3 (B1) Anh	